

Số: 2041 /QĐ-SYT

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh tuần 39 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản họp ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho **97** cá nhân đủ điều kiện (Chi tiết theo phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Thu hồi **10** Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề sau cấp mới, cấp lại giấy phép hành nghề (Chi tiết theo phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Ông (bà) được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Ông (bà) có tên tại Điều 2 không được sử dụng Chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi tại Quyết định này để hành nghề khám bệnh, chữa bệnh dưới bất kỳ hình thức nào kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chỉ được phép khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19, Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVYD (01b) *nh*

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Vũ Quang

Phụ lục I
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 39 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định 2041 /QĐ-SYT ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Kpă H Nhak	08/06/2004	066304012904	13/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002226/ĐL-GPHN	05/10/2026	29/07/2031	Cấp lại
2	Châu Đình Duy	18/07/1993	054093001016	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y học cổ truyền	002356/ĐL-GPHN	05/10/2026	13/09/2031	Cấp lại
3	Tổng Thị Hồng	06/06/2001	066301013985	16/05/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002365/ĐL-GPHN	05/10/2026	13/09/2031	Cấp lại
4	Lương Thị Mỹ Linh	15/09/2003	066303019516	02/10/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002391/ĐL-GPHN	05/10/2026	25/09/2031	Cấp lại
5	H Len Êban	09/11/1978	066178004698	10/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002394/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp lại
6	Lê Trịnh Vy	24/09/1997	241672537	17/07/2015	Đắk Lắk	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002395/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp lại

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
7	Nguyễn Xuân Sơn	04/04/1986	066086008372	27/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002396/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2026	Cấp mới (thay đổi chức danh)
8	Nguyễn Thị Hoài	02/09/2001	066301020024	17/08/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002397/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
9	Nguyễn Đoàn Mỹ Duyên	12/08/2001	054301008390	10/07/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002398/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
10	Đậu Thục Vân	01/05/2000	067300007844	06/04/2026	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002399/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
11	Nguyễn Thị Thủy	20/03/2001	066301009607	10/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002400/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
12	Hà Khánh Duy	15/09/1998	066098012270	28/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002401/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
13	Hoàng Thúy Vy	16/10/2001	066301006655	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002402/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
14	Phạm Trọng Trung Hiếu	15/04/2001	066201013836	27/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002403/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
15	Nguyễn Trung Nguyên	12/02/2001	066201008208	02/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002404/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
16	Trần Thế Thiện	11/02/2001	066201008586	23/02/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002405/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
17	Y Dân Niê	27/09/2000	066200003703	21/07/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002406/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
18	Huỳnh Nguyễn Hương Giang	25/05/2001	066301001316	30/01/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	002407/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
19	Nguyễn Thị Oanh	26/08/2000	040300025966	10/06/2025	Bộ Công an	Y sĩ	Y học cổ truyền	002408/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
20	Nguyễn Thị Thu Hồng	06/02/1989	066189016464	04/10/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002409/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
21	Trần Kim Chi	18/04/2004	066301018342	16/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002410/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
22	Trần Thị Diệu My	02/10/2001	066301018024	21/03/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002411/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
23	Phan Hồng Anh	17/09/2001	066201012748	25/08/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002412/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
24	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	26/08/2001	054301008609	24/03/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002413/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
25	H' Đanís Ayũn	27/03/2003	066303006599	21/08/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002414/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
26	Lê Thị Na	25/03/2001	066301002392	30/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002415/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
27	Nguyễn Thị Hằng	10/01/1987	024187007702	14/12/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002416/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
28	Nguyễn Anh Thơ	28/12/2001	066301015746	28/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002417/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
29	Hùng Thị Thu Thủy	02/10/1991	046191006563	09/04/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002418/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
30	Nguyễn Thị Thúy Vân	22/02/1990	066190012260	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002419/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
31	Đỗ Thị Thu Trang	06/07/1995	066195022865	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002420/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
32	Y Han Bkrông	30/08/2001	066201000243	26/06/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002421/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
33	Võ Ái Pho	23/04/2003	066303000718	25/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002422/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
34	Trần Thị Mai Linh	26/01/2001	066301017735	16/07/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002423/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
35	Đỗ Thị Hồng Hoa	04/10/1992	066192020385	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002424/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
36	Nguyễn Minh Trí	18/09/1993	072093004356	10/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002425/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
37	Đặng Hữu Trung	10/01/1992	066092002318	25/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002426/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2026	Cấp mới (thay đổi chức danh)
38	Trần Thị Thảo Vy	08/01/2001	054301005881	28/05/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	002427/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
39	Nguyễn Thị Hoài Bảo	24/06/1998	054198009443	21/03/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002428/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
40	Châu Thị Ngọc Mận	14/04/2001	066301004207	10/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002429/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
41	Trần Thị Bình An	12/12/2001	040301007819	28/07/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002430/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
42	H' Năk Êban	03/01/2004	066304000837	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	002431/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
43	Phạm Thị Xuân Diệu	01/11/2000	036300019620	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002432/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
44	Hoàng Thị Ánh Sâm	16/06/1987	052187009177	01/09/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002433/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
45	Nguyễn Văn Thắng	15/02/1996	066096002373	01/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	002434/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
46	Trần Thị Thu Thảo	27/08/2002	052302000620	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002435/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
47	Trần Thị Vân	23/06/2001	066301000397	22/05/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002436/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
48	Hà Thị Thu	27/03/1986	066186002396	12/12/2025	Bộ Công an	Y sĩ	Y học cổ truyền	002437/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
49	Lô Thanh Hải	21/11/2000	040200009129	05/06/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	002438/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
50	Bùi Thị Phụng Vĩ	15/10/1997	066197008072	15/10/1997	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002439/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
51	Trần Trinh Lan	02/02/1985	096185009129	16/01/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002440/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
52	Trịnh Thị Bích Vy	03/03/2001	066301017871	13/08/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002441/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
53	Lê Văn Quốc	03/06/2000	066200019649	08/07/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002442/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
54	Võ Văn Hùng	15/10/1976	042076002741	18/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002443/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
55	Kiều Văn Anh	21/06/1976	042076004930	16/10/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002444/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
56	Đinh Thị Ngọc Ngân	23/09/2000	066300018717	27/05/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002445/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
57	Dương Thị Hải Lan	10/02/1982	042182003474	18/08/2025	Bộ Công an	Y sĩ	Y học cổ truyền	002446/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
58	Tô Thị Thanh Nhi	24/05/2000	084300005691	16/04/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002447/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
59	Lữ Thị Mỹ Duyên	25/11/2001	056301000118	11/05/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002448/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
60	Phạm Thị Yến	08/12/1988	064188000294	01/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002449/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
61	Trần Thị Thu Phương	24/09/1995	066195025636	12/01/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002450/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
62	Phạm Thị Cẩm Tú	04/04/2001	066301011382	11/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002451/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
63	H Quyền Niê	27/02/2000	066300014380	07/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002452/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
64	Rah Lan H' Nhang	15/10/2000	064300017630	14/10/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	002453/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
65	Đoàn Thị Quỳnh	10/01/2004	066304014816	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002454/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
66	Nguyễn Trường Giang	25/11/1995	066095022716	27/10/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002455/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
67	Nguyễn Thị Thanh Uyên	14/05/2004	052304012400	26/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002456/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
68	Nguyễn Thị Ánh Hồng	11/02/2000	054300003544	22/01/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002457/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
69	Nguyễn Thị Thanh Nhân	14/03/2000	058300006020	27/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002458/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
70	Đoàn Đỗ Phương Uyên	06/10/2001	054301006106	28/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002459/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
71	Dương Thị Ngọc Thảo	18/04/2001	054301009120	18/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002460/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
72	Nguyễn Thị Thanh Hợp	06/10/1983	042183014373	22/07/2024	Bộ Công an	Hộ sinh	Hộ sinh	002461/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp lại
73	H - Milka Buôn Yă	02/08/1998	066198019324	21/02/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	002462/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
74	Trần Thị Huyền	27/03/1991	040191023142	07/10/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002463/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
75	Nguyễn Trung Hiếu	07/01/2001	066201016276	12/06/2026	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002464/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
76	Lê Thị Nga	08/02/2000	064300013571	13/12/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002465/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
77	Nguyễn Thị Ngọc Linh	04/06/1995	070195007902	04/10/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	002466/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
78	Lương Thị Hạ	01/01/2001	066301001225	22/12/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002467/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
79	Nguyễn Hải Âu	01/08/2004	067304003371	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002468/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
80	Nông Thị Mỹ Thảo	06/11/1999	066199015586	14/08/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	002469/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
81	Nguyễn Thị Thùy Hương	09/09/1995	066195022277	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002470/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
82	Nguyễn Thị Cúc	19/05/1988	066188009484	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002471/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
83	Lê Thị Trang	25/06/1990	038190042537	29/12/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002472/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
84	Nguyễn Thị Hiền	25/02/1987	066187017618	22/01/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002473/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
85	Hoàng Ngọc Linh	15/08/1982	040082015572	18/09/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002474/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
86	Lê Uyên Phương	20/04/1994	066194012315	05/06/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002475/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
87	Phạm Thị Bảo Hậu	21/07/1993	066193009072	03/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002476/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
88	Đinh Lương Tường Vy	17/10/2001	066301000273	01/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002477/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
89	Nguyễn Thị Mộng Uyên	28/06/1988	066188015911	11/09/2024	Bộ Công an	Y sĩ	Y học cổ truyền	002478/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
90	Đỗ Tấn Tình	21/03/1997	066097011478	25/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002479/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp lại

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
91	Đinh Thị Bảo Ngọc	27/05/2001	070301002461	14/04/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002480/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
92	Hoàng Diệu Linh	10/08/1998	066198006397	31/07/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002481/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
93	Nguyễn Thị Minh Nhật	30/09/2001	067301006735	17/09/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002482/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
94	Dương Thị Quế	20/02/2001	066301020028	17/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002483/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
95	Lê Thị Ánh Hồng	17/02/2000	054300010353	29/12/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002484/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
96	Ca Thái Anh Hoài	07/06/1991	054091005136	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002485/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)
97	Vương Như Quỳnh	09/10/2001	066301000519	28/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002486/ĐL-GPHN	05/10/2026	05/10/2031	Cấp mới (lần đầu)

Danh sách bao gồm 97 cá nhân./.

Phụ lục II
DANH SÁCH THU HỒI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 39 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 10 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	Kpă H Nhak	08/08/2004	066304012904	002226/ĐL- GPHN	29/07/2026	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Châu Đình Duy	18/07/1993	054093001016	002356/ĐL- GPHN	13/09/2026	Y sĩ	Y học cổ truyền	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
3	Tổng Thị Hồng	06/06/2001	066301013985	002365/ĐL-GPHN	13/09/2026	Bác sĩ	Y khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
4	Lương Thị Mỹ Linh	15/09/2003	066303019516	002391/ĐL-GPHN	25/09/2026	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
5	H Len Êban	09/11/1978	240624131	003292/ĐL-CCHN	03/08/2022	Điều dưỡng (Trung cấp)	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
6	Lê Trịnh Vy	24/09/1997	241672537	009624/ĐL- CCHN	20/05/2021	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
7	Nguyễn Xuân Sơn	04/04/1986	066086008372	009119/ĐL- CCHN	16/05/2020	Bác sĩ	Y khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
8	Đặng Hữu Trung	10/01/1992	066092002318	002368/ĐL- CCHN	11/11/2013	Bác sĩ	Y khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
9	Nguyễn Thị Thanh Hợp	06/10/1983	221045891	000404/PY-CCHN	22/04/2014	Hộ sinh	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BHYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
10	Đỗ Tấn Tình	21/03/1997	066097011478	009455/ĐL-CCHN	14/01/2021	Y sĩ	Y học cổ truyền	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

Danh sách bao gồm 10 cá nhân./.